

PHỤ LỤC
KINH PHÍ CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 173/NQ-CP NGÀY 13 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ

(Đính kèm Quyết định số: 2800/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

DVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
	TỔNG CỘNG				27.319	22.846	10.052	7.051	3.001	12.794	7.453	5.341	---	---	---	4.473	1.145	3.328	
A	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề																		
	Sở Giáo dục và Đào tạo				27.199	22.726	10.052	7.051	3.001	12.674	7.398	5.276	-	-	-	4.473	1.145	3.328	
1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	422	070	098	4.714	4.714	-			4.714		4.714				-			
2	Trung tâm Thông tin và Chương trình giáo dục	422	070	098	-	-	-			-						-			
3	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	422	070	098	158	-	-			-						158	68	90	
4	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	422	070	071	11	11	-			11	11					-			
5	Trường Mầm non Thành phố	422	070	071	37	8	-			8	8					29		29	
6	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật	422	070	071	-	-	-			-						-			
7	Trường Mầm non Nam Sài Gòn	422	070	071	91	-	-			-						91		91	
8	Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	422	070	072	-	-	-			-						-			
9	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Bình Chánh	422	070	072	-	-	-			-						-			
10	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập quận Tân Bình	422	070	072	-	-	-			-						-			
11	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	422	070	075	3	3	-			3	3					-			
12	Trung tâm GDTX Chu Văn An	422	070	075	15	9	-			9	9					6		6	
13	Trung tâm GDTX Tiếng Hoa	422	070	075	1	1	-			1	1					-			

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
14	Trung tâm GDKT TH và HN Lê Thị Hồng Gấm	422	070	075	10	10	-			10	10					-			
15	Trung tâm GDTX Gia Định	422	070	075	-	-	-			-						-			
16	Trường THPT Bùi Thị Xuân	422	070	074	24	24	-			24	24					-			
17	Trường THPT Trưng Vương	422	070	074	26	26	-			26	26					-			
18	Trường THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	422	070	074	123	93	-			93	93					30		30	
19	Trường THPT Tenlơ man	422	070	074	29	29	-			29	29					-			
20	Trường THPT Lương Thế Vinh	422	070	074	98	47	-			47	47					51		51	
21	Trường THPT Giồng Ông Tố	422	070	074	17	17	-			17	17					-			
22	Trường THPT Thủ Thiêm	422	070	074	43	27	-			27	27					16		16	
23	Trường THPT Lê Quý Đôn	422	070	074	-	-	-			-						-			
24	Trường THPT Marie Curie	422	070	074	56	56	-			56	56					-			
25	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	422	070	074	30	30	-			30	30					-			
26	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	422	070	074	31	31	-			31	31					-			
27	Trường THPT Nguyễn Trãi	422	070	074	27	27	-			27	27					-			
28	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	422	070	074	37	37	-			37	37					-			
29	Trường THPT Hùng Vương	422	070	074	61	52	-			52	52					9		9	
30	Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong	422	070	074	58	40	-			40	40					18		18	
31	Trường THPT Trần Khai Nguyên	422	070	074	51	46	-			46	46					5		5	
32	Trường THPT Trần Hữu Trang	422	070	074	19	19	-			19	19					-			
33	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	422	070	074	66	46	-			46	46					20		20	

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN						2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú	
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024		07 tháng cuối năm 2025
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
34	Trường THPT Bình Phú	422	070	074	29	29	-			29	29					-			
35	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	422	070	074	48	36	-			36	36					12		12	
36	Trường THPT Phạm Phú Thứ	422	070	074	51	51	-			51	51					-			
37	Trường THPT Lê Thánh Tôn	422	070	074	24	24	-			24	24					-			
38	Trường THPT Ngô Quyền	422	070	074	44	27	-			27	27					17		17	
39	Trường THPT Tân Phong	422	070	074	28	28	-			28	28					-			
40	Trường THPT Lương Văn Can	422	070	074	18	18	-			18	18					-			
41	Trường THPT Ngô Gia Tự	422	070	074	21	21	-			21	21					-			
42	Trường THPT Tạ Quang Bửu	422	070	074	23	23	-			23	23					-			
43	Trường Phổ thông Năng khiếu Thể dục thể thao Nguyễn Thị Định	422	070	074	40	38	-			38	38					2		2	
44	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	422	070	074	23	23	-			23	23					-			
45	Trường THPT Võ Văn Kiệt	422	070	074	38	38	-			38	38					-			
46	Trường THPT Nguyễn Huệ	422	070	074	35	27	-			27	27					8		8	
47	Trường THPT Phước Long	422	070	074	37	22	-			22	22					15		15	
48	Trường THPT Long Trường	422	070	074	76	32	-			32	32					44		44	
49	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	422	070	074	34	34	-			34	34					-			
50	Trường THPT Nguyễn Du	422	070	074	-	-	-			-						-			
51	Trường THPT Nguyễn An Ninh	422	070	074	37	37	-			37	37					-			
52	Trường THPT Nguyễn Khuyến	422	070	074	48	34	-			34	34					14		14	
53	Trường THCS-THPT Diên Hồng	422	070	074	26	26	-			26	26					-			

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
54	Trường THCS-THPT Sương Nguyệt Anh	422	070	074	25	25	-			25	25					-			
55	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	422	070	074	61	46	-			46	46					15		15	
56	Trường THPT Nguyễn Hiền	422	070	074	-	-	-			-						-			
57	Trường THPT Trần Quang Khải	422	070	074	29	29	-			29	29					-			
58	Trường THPT Võ Trường Toàn	422	070	074	93	31	-			31	31					62		62	
59	Trường THPT Thanh Lộc	422	070	074	56	30	-			30	30					26		26	
60	Trường THPT Trường Chinh	422	070	074	104	30	-			30	30					74	37	37	
61	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	422	070	074	105	32	-			32	32					73		73	
62	Trường THPT Tân Bình	422	070	074	82	26	-			26	26					56	28	28	
63	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	422	070	074	32	32	-			32	32					-			
64	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	422	070	074	44	30	-			30	30					14		14	
65	Trường THPT Trần Phú	422	070	074	10	10	-			10	10					-			
66	Trường THPT Tây Thạnh	422	070	074	77	43	-			43	43					34	17	17	
67	Trường THPT Lê Trọng Tấn	422	070	074	57	31	-			31	31					26		26	
68	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	422	070	074	81	44	-			44	44					37		37	
69	Trường THPT Thanh Đa	422	070	074	24	24	-			24	24					-			
70	Trường THPT Gia Định	422	070	074	184	74	-			74	74					110		110	
71	Trường THPT Phan Đăng Lưu	422	070	074	58	31	-			31	31					27		27	
72	Trường THPT Võ Thị Sáu	422	070	074	39	39	-			39	39					-			
73	Trường THPT Trần Văn Giàu	422	070	074	101	37	-			37	37					64	22	42	

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
74	Trường THPT Phú Nhuận	422	070	074	61	38	-			38	38					23	6	17	
75	Trường THPT Hàn Thuyên	422	070	074	31	31	-			31	31					-			
76	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	422	070	074	104	53	-			53	53					51		51	
77	Trường THPT Gò Vấp	422	070	074	36	28	-			28	28					8		8	
78	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	422	070	074	36	36	-			36	36					-			
79	Trường THPT Trần Hưng Đạo	422	070	074	47	47	-			47	47					-			
80	Trường THPT Tam Phú	422	070	074	25	25	-			25	25					-			
81	Trường THPT Thủ Đức	422	070	074	138	34	-			34	34					104		104	
82	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	422	070	074	53	53	-			53	53					-			
83	Trường THPT Hiệp Bình	422	070	074	42	29	-			29	29					13		13	
84	Trường THPT Đào Sơn Tây	422	070	074	32	32	-			32	32					-			
85	Trường THPT Linh Trung	422	070	074	62	62	-			62	62					-			
86	Trường THPT An Nhơn Tây	422	070	074	31	31	-			31	31					-			
87	Trường THPT Củ Chi	422	070	074	59	39	-			39	39					20		20	
88	Trường THPT Quang Trung	422	070	074	23	23	-			23	23					-			
89	Trường THPT Trung Phú	422	070	074	25	25	-			25	25					-			
90	Trường THPT Trung Lập	422	070	074	22	22	-			22	22					-			
91	Trường THPT Phú Hòa	422	070	074	27	22	-			22	22					5		5	
92	Trường THPT Tân Thông Hội	422	070	074	48	36	-			36	36					12		12	
93	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422	070	074	57	34	-			34	34					23		23	

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
94	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	422	070	074	24	24	-			24	24					-			
95	Trường THPT Bà Điểm	422	070	074	38	38	-			38	38					-			
96	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	422	070	074	72	33	-			33	33					39		39	
97	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	422	070	074	35	35	-			35	35					-			
98	Trường THPT Phạm Văn Sáng	422	070	074	48	35	-			35	35					13		13	
99	Trường THPT An Lạc	422	070	074	91	33	-			33	33					58		58	
100	Trường THPT Vĩnh Lộc	422	070	074	28	28	-			28	28					-			
101	Trường THPT Bình Tân	422	070	074	42	32	-			32	32					10		10	
102	Trường THPT Bình Hưng Hòa	422	070	074	46	43	-			43	43					3		3	
103	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	422	070	074	29	29	-			29	29					-			
104	Trường THPT Bình Chánh	422	070	074	43	43	-			43	43					-			
105	Trường THPT Đa Phước	422	070	074	28	28	-			28	28					-			
106	Trường THPT Lê Minh Xuân	422	070	074	42	36	-			36	36					6		6	
107	Trường THPT Tân Túc	422	070	074	36	36	-			36	36					-			
108	Trường THPT Vĩnh Lộc B	422	070	074	54	52	-			52	52					2		2	
109	Trường Phổ thông Năng khiếu TDTT Bình Chánh	422	070	074	45	40	-			40	40					5		5	
110	Trường THPT Long Thới	422	070	074	26	26	-			26	26					-			
111	Trường THPT Phước Kiển	422	070	074	51	51	-			51	51					-			
112	Trường THPT Dương Văn Dương	422	070	074	56	46	-			46	46					10		10	
113	Trường THPT Bình Khánh	422	070	074	48	29	-			29	29					19		19	

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
114	Trường THPT Cần Thạnh	422	070	074	55	25	-			25	25					30	15	15	
115	Trường THPT An Nghĩa	422	070	074	58	47	-			47	47					11		11	
116	Trường THCS-THPT Thạnh An	422	070	074	-	-	-			-						-			
117	Trường THPT Hồ Thị Bi	422	070	074	64	64	-			64	64					-			
118	Trường THPT Dương Văn Thì	422	070	074	33	33	-			33	33					-			
119	Trường THPT Phong Phú	422	070	074	36	34	-			34	34					2		2	
120	Trường THPT Bình Chiểu	422	070	074	52	52	-			52	52					-			
121	Trường THPT Năng khiếu Thể Dục Thể Thao	422	070	074	20	20	-			20	20					-			
122	Trường THCS-THPT Trần Đại Nghĩa	422	070	074	46	-	-			-						46	23	23	
123	Trường THPT Nam Sài Gòn	422	070	074	387	-	-			-						387		387	
124	Trường THPT Hoàng Thế Thiện	422	070	074	-	-	-			-						-			
125	Trường Trung cấp KT KT Nguyễn Hữu Cánh	422	070	092	58	54	-			54	54					4	2	2	
126	Trường Trung cấp KT KT Quận 12	422	070	092	168	127	-			127	127					41		41	
127	Trường Trung cấp Bách Nghệ TP.HCM	422	070	092	142	58	-			58	58					84		84	
128	Trường Cao đẳng KT KT TP.HCM	422	070	093	411	38	-			38	38					373	109	264	
129	Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn	422	070	093	91	30	-			30	30					61		61	
130	Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM	422	070	093	122	32	-			32	32					90		90	
131	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	422	070	093	190	32	-			32	32					158		158	
132	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	422	070	093	60	40	-			40	40					20		20	
133	Trường Cao đẳng Nghề TP.HCM	422	070	093	189	157	-			157	157					32	16	16	

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
134	Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật huyện Củ Chi	422	070	072	14	14	14	14		-						-			
135	Trường Chuyên biệt Ánh Dương Quận 12	422	070	072	2	-	-			-						2	1	1	
136	Trường Chuyên biệt Bình Minh	422	070	072	32	30	-			30	30					2		2	
137	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy Vọng quận Gò Vấp	422	070	072	-	-	-			-						-			
138	Trường Giáo dục Chuyên biệt Niềm Tin	422	070	072	24	24	12	12		12	12					-			
139	Trường Giáo dục Chuyên biệt Tương Lai	422	070	072	2	2	-			2		2				-			
140	Trường Tương Lai Quận 3	422	070	072	-	-	-			-						-			
141	Trường Chuyên biệt Tương Lai Quận 5	422	070	072	44	37	-			37	37					7		7	
142	Trường Chuyên biệt Quận 10	422	070	072	102	102	74	74		28	28					-			
143	Trường Giáo dục Chuyên biệt 15/5	422	070	072	7	7	-			7	7					-			
144	Trường Hy Vọng Quận 6	422	070	072	1	1	1	1		-						-			
145	Trường Chuyên biệt Bình Tân	422	070	072	40	36	12	12		24	24					4		4	
146	Trường Chuyên biệt 1 tháng 6	422	070	072	7	7	1	1		6	6					-			
147	Trường Hy Vọng Quận 8	422	070	072	60	60	7	7		53	27	26				-			
148	Trường Giáo dục Chuyên biệt Thảo Điền	422	070	072	25	25	25		25	-						-			
149	Trường Chuyên biệt Cần Thạnh	422	070	072	38	38	28		28	10	5	5				-			
150	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Củ Chi	422	070	075	12	12	9	9		3	1	2				-			
151	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hóc Môn	422	070	075	-	-	-			-						-			
152	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	422	070	075	12	-	-			-						12		12	
153	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 3	422	070	075	-	-	-			-						-			

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
154	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Bình	422	070	075	48	48	3	3		45	45					-			
155	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Tân Phú	422	070	075	66	66	34	34		32	12	20				-			
156	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Gò Vấp	422	070	075	81	71	71	60	11	-						10	10		
157	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	422	070	075	168	153	153	2	151	-						15		15	
158	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 1	422	070	075	71	71	71		71	-						-			
159	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Thạnh	422	070	075	194	194	181		181	13		13				-			
160	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 5	422	070	075	6	4	-			4	4					2		2	
161	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 6	422	070	075	128	68	29	29		39	39					60	30	30	
162	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 10	422	070	075	40	40	12	12		28	28					-			
163	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	422	070	075	81	59	30		30	29	11	18				22	1	21	
164	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Tân	422	070	075	90	87	34		34	53	2	51				3		3	
165	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 4	422	070	075	10	3	2	2		1	1					7	7		
166	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 7	422	070	075	61	61	18		18	43		43				-			
167	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 8	422	070	075	134	88	22	22		66	66					46	2	44	
168	Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Thủ Đức	422	070	075	60	60	-			60	24	36				-			
169	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Chánh	422	070	075	-	-	-			-						-			
170	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cần Giờ	422	070	075	-	-	-			-						-			
171	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nhà Bè	422	070	075	39	39	6	6		33	33					-			
172	Trường trung cấp nghề Củ Chi	422	070	092	-	-	-			-						-			
173	Trường Trung cấp nghề Nhân Đạo	422	070	092	-	-	-			-						-			

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
174	Trường Trung cấp nghề Bình Thạnh	422	070	092	-	-	-			-						-			
175	Trường Trung cấp nghề Quang Trung	422	070	092	594	575	575		575	-						19		19	
176	Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương	422	070	092	-	-	-			-						-			
177	Trường Trung Cấp Đông Sài Gòn	422	070	092	-	-	-			-						-			
178	Trường Trung cấp Trần Đại Nghĩa	422	070	092	-	-	-			-						-			
179	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức	422	070	093	-	-	-			-						-			
180	Trường Cao đẳng Thủ Thiêm- TP.HCM	422	070	093	28	26	26		26	-						2		2	
181	Trường THPT Bình An	422	070	074	30	30	-			30	18	12				-			
182	Trường THPT Dĩ An	422	070	074	55	55	25	21	4	30	23	7				-			
183	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	422	070	074	56	56	9	6	3	47	41	6				-			
184	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương	422	070	074	29	29	17	8	9	12	7	5				-			
185	Trường THPT An Mỹ	422	070	074	268	268	233	222	11	35	34	1				-			
186	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074	56	56	8	8		48	48					-			
187	Trường THPT Hùng Vương	422	070	074	173	154	49	22	27	105	47	58				19		19	
188	Trường THPT Lý Thái Tổ	422	070	074	77	77	77	77		-						-			
189	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074	62	62	50	41	9	12	12					-			
190	Trường THPT Trần Văn Ôn	422	070	074	110	102	65	65		37	35	2				8	8		
191	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074	5	5	-			5		5				-			
192	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074	179	178	126	22	104	52	28	24				1	1		
193	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074	40	40	-			40	40					-			

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
194	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ	422	070	074	49	49	27	18	9	22	20	2				-			
195	Trường THCS và THPT Tây Sơn	422	070	074	45	45	21	17	4	24	19	5				-			
196	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074	27	27	-			27	23	4				-			
197	Trường THPT Lê Lợi	422	070	074	16	16	10	10		6	6					-			
198	Trường THPT Phước Hòa	422	070	074	14	14	4	4		10	5	5				-			
199	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074	14	14	-			14	9	5				-			
200	Trường THPT Tân Bình - Bình Dương	422	070	074	42	42	25	6	19	17	6	11				-			
201	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074	140	140	47	47		93	88	5				-			
202	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074	38	38	18	18		20	20					-			
203	Trường THPT Thường Tân	422	070	074	36	36	27	27		9	9					-			
204	Trường THCS và THPT Minh Hòa	422	070	074	84	13	-			13	13					71	71		
205	Trường THPT Bàu Bàng	422	070	074	32	27	12	5	7	15	15					5	5		
206	Trường THPT Bến Cát	422	070	074	85	85	58	58		27	27					-			
207	Trường THPT Dầu Tiếng	422	070	074	235	23	5		5	18	17	1				212	212		
208	Trường THPT Long Hòa	422	070	074	26	26	13	13		13	13					-			
209	Trường THPT Tây Nam	422	070	074	19	19	6	6		13	6	7				-			
210	Trường THPT Thanh Tuyền	422	070	074	138	22	-			22	22					116	116		
211	Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ Bình Dương	422	070	075	50	7	-			7	7					43	39	4	
212	Trung tâm GDNN-GDTX Thuận An	422	070	075	421	336	260	260		76	60	16				85	85		
213	Trung Tâm GDNN - GDTX Dĩ An	422	070	075	134	126	57	57		69	69					8		8	

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
214	Trung tâm GDNN-GDTX Phú Giáo	422	070	075	125	117	40	34	6	77	77					8		8	
215	Trung Tâm GDNN - GDTX Tân Uyên	422	070	075	37	14	-			14	3	11				23	13	10	
216	Trung Tâm GDNN - GDTX Bàu Bàng	422	070	075	128	105	43	6	37	62	28	34				23	23		
217	Trung Tâm GDNN - GDTX Bến Cát	422	070	075	132	132	-			132	57	75				-			
218	Trung Tâm GDNN - GDTX Dầu Tiếng	422	070	075	20	20	12	12		8	2	6				-			
219	Trường TC Mỹ thuật - Văn hóa Bình Dương	422	070	092	-	-	-			-						-			
220	Trường TC Nông Lâm nghiệp	422	070	092	21	21	-			21		21				-			
221	Trường TC Kinh tế Bình Dương	422	070	092	97	32	14		14	18		18				65		65	
222	Trường Nuôi dạy trẻ Khiếm Thị Hữu Nghị	422	070	072	96	96	48	48		48	48					-			
223	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật Bà Rịa	422	070	072	51	51	-			51	51					-			
224	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	422	070	074	123	123	55	55		68	68					-			
225	Trường THPT Vũng Tàu	422	070	074	32	32	28	13	15	4	4					-			
226	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	422	070	074	79	79	59	59		20	20					-			
227	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	422	070	074	82	82	42	42		40	40					-			
228	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	57	57	43	43		14	14					-			
229	Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	44	44	-			44	44					-			
230	Trường THPT Châu Thành	422	070	074	52	52	6	6		46	46					-			
231	Trường THPT Bà Rịa	422	070	074	194	155	104	104		51	51					39		39	
232	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	422	070	074	103	63	19	19		44	44					40		40	
233	Trường THPT Phú Mỹ	422	070	074	178	115	57	57		58	58					63		63	

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
234	Trường THPT Trần Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074	61	61	12	12		49	49					-			
235	Trường THPT Hắc Dịch	422	070	074	141	89	25	25		64	64					52		52	
236	Trường Phổ thông DTNT tỉnh	422	070	074	1.549	1.549	1.462		1.462	87	87					-			
237	Trường THPT Trần Văn Quan	422	070	074	189	157	120	112	8	37	37					32		32	
238	Trường THPT Trần Quang Khải - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	95	73	38	38		35	35					22		22	
239	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074	78	57	15	15		42	42					21		21	
240	Trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh	422	070	074	120	120	28	28		92	92					-			
241	Trường THPT Võ Thị Sáu- Bà Rịa- Vũng Tàu	422	070	074	89	89	12	12		77	77					-			
242	Trường THPT Dương Bạch Mai	422	070	074	3.568	3.568	3.479	3.479		89	89					-			
243	Trường THPT Nguyễn Du- Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	132	132	86	86		46	46					-			
244	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	211	139	52	52		87	87					72	30	42	
245	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	370	370	315	315		55	55					-			
246	Trường THPT Trần Phú -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	551	432	379	379		53	53					119	100	19	
247	Trường THPT Ngô Quyền -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074	52	52	-			52	52					-			
248	Trường THPT Bưng Riềng	422	070	074	211	194	153	90	63	41	41					17		17	
249	Trường THPT Xuyên Mộc	422	070	074	188	160	109	109		51	51					28		28	
250	Trường THPT Hòa Bình	422	070	074	94	76	32	32		44	44					18		18	
251	Trường THPT Hòa Hội	422	070	074	128	111	68	68		43	43					17		17	
252	Trường THPT Phước Bửu	422	070	074	250	158	115	115		43	43					92	48	44	
253	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422	070	075	101	101	47	47		54	54					-			

STT	Đơn vị	C	L	K	TỔNG CỘNG	1. Nguồn NSNN							2. Nguồn thu phí khấu trừ được để lại			3. Nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại			Ghi chú
						Cộng	Chi thường xuyên năm 2025 so với năm 2024			Chi thường xuyên 7 tháng cuối năm 2025			Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	Cộng	năm 2025 so với năm 2024	07 tháng cuối năm 2025	
							Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX	Cộng	KP tự chủ/TX	KP không tự chủ/KTX							
1	2	3	4	5	6=7+10+13	7=8+9	8	9	10	9	12	13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	
254	Trung tâm GDTX tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	075	43	43	10	10		33	33					-			
255	Trung tâm GDTX Phú Mỹ	422	070	075	66	51	25	25		26	26					15		15	
256	Trung tâm GDTX Long Điền- Đất Đỏ	422	070	075	61	61	40	40		21	21					-			
257	Trung tâm GDTX Châu Đức	422	070	075	41	41	4	4		37	37					-			
258	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Xuyên Mộc	422	070	075	252	252	157	122	35	95	95					-			
B	Quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể																		
	Sở Giáo dục và Đào tạo	422	340	341	120	120	-			120	55	65							